TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2024
V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Bùi Đình Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị B; nơi cư trú: Thôn BV, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Bùi Q; nơi cư trú: Thôn BV, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Lê Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B xây dựng gia đình với ông Nguyễn Bùi Q trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 26/01/1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại

thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc làm ăn kinh tế nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thờ ơ, lạnh nhạt và không còn tình cảm, thương yêu nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau được 02 năm nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay, bà Lê Thị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà đề nghị cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Quý. Tuy nhiên do bà Lê Thị B với ông Nguyễn Bùi Q không đăng ký kết hôn, do đó bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Bùi Q.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Bùi Q có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/1994 và Nguyễn Bùi T1, sinh ngày 30/8/1997. Hiện nay các con chung sức khoẻ bình thường, đã thành niên, không cần phải nuôi dưỡng. Bà Lê Thị B đề nghị Toà án không giải quyết về con chung giữa bà và ông Nguyễn Bùi Q.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị B xin tự giải quyết với ông Nguyễn Bùi Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị B đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn - ông Nguyễn Bùi Q *trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian xây dựng gia đình, việc không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng của ông và bà Lê Thị B như bà Lê Thị B trình bày là đúng. Nay, bà Lê Thị B đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị B thì ông đồng ý với quan điểm của bà Lê Thị B.

Về con chung, tài sản chung: Ông Nguyễn Bùi Q đồng ý với quan điểm của bà Lê Thị B đã trình bày, ông đề nghị Toà án không giải quyết về con chung, tài sản chung giữa ông và bà Lê Thị B.

Ông Nguyễn Bùi Q đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (UBND xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng) và kết quả trả lời của Phòng tư pháp huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng thể hiện: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Căn cứ Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q. Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/1994 và Nguyễn Bùi T1, sinh ngày 30/8/1997. Hiện nay các con chung sức khoẻ bình thường, đã thành niên, không cần phải nuôi dưỡng. Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q đề nghị Toà án không giải quyết về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q xin tự giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Tại thời điểm thụ lý vụ án, các đương sự đều đang sinh sống tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương từ ngày 26/01/1991. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc làm ăn kinh tế. Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà Lê Thị B đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Bùi Q nhưng do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên bà Lê Thị B đề nghị Toá án tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Bùi Q. Ông Nguyễn Bùi Q đồng ý với ý kiến của bà Lê Thị B. Theo lời khai của bà Lê Thị B, ông Nguyễn Bùi Q và tài liệu xác minh tại UBND xã Dương Quan, Phòng tư pháp huyện Thuỷ Nguyên xác định: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q không được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng mà được xét là nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/1994 và Nguyễn Bùi T1, sinh ngày 30/8/1997. Hiện nay các con chung sức khoẻ bình thường, đã thành niên, không cần phải nuôi dưỡng. Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q đề nghị Toà án không giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q xin tự giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B được chấp nhận nên bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q.

2. Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/1994 và Nguyễn Bùi T1, sinh ngày 30/8/1997. Hiện nay các con chung sức khoẻ bình thường, đã thành niên, không cần phải nuôi dưỡng. Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q đề nghị Toà án không giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q xin tự giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009789 ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà Lê Thị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bùi Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thuý Mở **Hoàng Đức Cảnh** **Vũ Thị Hằng**

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Hùng **Nguyễn Thị Lan Hương** **Vũ Thị Hằng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Hồng Thúy Vũ Thị Minh Nguyệt	**Đặng Hồ Điệp**